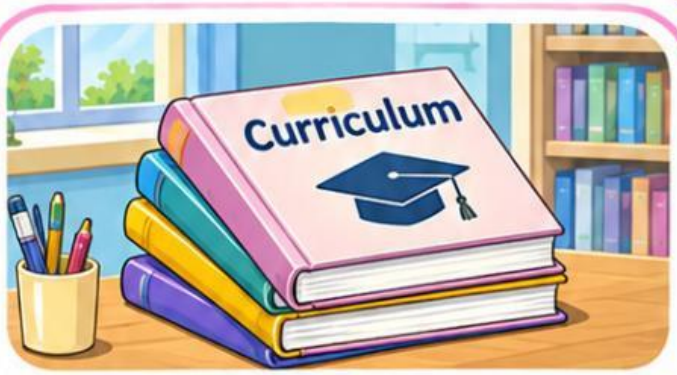


country (n)

/ˈkʌntri/

quốc gia; vùng nống thôn



curriculum (n)

/kəˈrɪkjələm/

chương trình học,
chương trình giảng dạy



choir (n)

/ˈkwaɪə(r)/

dàn hợp xướng,
đội hợp xướng



decision (n)

/dɪˈsɪʒn/

quyết định, sự quyết định



fair (n)

/feə(r)/

hội chợ



festival (n)

/ˈfestɪvl/

lễ hội

LIVEWORKSHEETS